

THÔNG TIN TÓM TẮT TỜ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM



EVNDEVELOPMENT

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103001110 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/6/2002, đăng ký thay đổi lần 8 số 0101264520 ngày 20/12/2013)

Địa chỉ: Tầng 3 - CT1 – 583 Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 04.22131580 Fax: 04.35527987 ; Website: <http://www.vnpd.com.vn/>

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Phạm Đình Lê Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền CBTT 85/GUQ-VNPD ngày 26/1/2016 của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam)

Số điện thoại: 04.22131580 Số fax: 04.35527987

Hà Nội, ngày tháng năm 2016



MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	4
1. Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký giao dịch.....	4
2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch.....	5
3. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	5
4. Quá trình tăng vốn.....	6
5. Cơ cấu tổ chức Công ty	9
6. Danh sách cổ đông (tên, địa chỉ) nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ (nếu các quy định về hạn chế chuyển nhượng còn hiệu lực); Cơ cấu cổ đông (tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước và tỷ lệ nắm giữ).	12
7. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch, những công ty mà tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng	13
8. Hoạt động kinh doanh	14
9. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 02 năm gần nhất.....	17
10. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành.....	19
11. Chính sách đối với người lao động	20
12. Chính sách cổ tức	21
13. Tình hình tài chính	22
14. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của công ty).....	29
15. Kế hoạch lợi nhuận cổ tức năm tiếp theo.....	31
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, cam kết bảo lãnh, cam kết vay, cho vay...)	33
17. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh	33
18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng có liên quan tới công ty	34
II. QUẢN TRỊ CÔNG TY	35
1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Hội đồng quản trị	35
2. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty	47
III. PHỤ LỤC	47



DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ	7
Bảng 2: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 15.1.2016.....	12 <u>12</u> 13
Bảng 3. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 15.1.2016.....	13
<i>Bảng 3:</i> Cơ cấu doanh thu	14 <u>14</u> 15
Bảng 4: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty qua các năm	14 <u>14</u> 15
<i>Bảng 5:</i> Cơ cấu chi phí sản xuất qua các năm.....	15 <u>15</u> 16
Bảng 6: Các hợp đồng lớn đang thực hiện và đã ký kết	17 <u>17</u> 18
Bảng 7: Tổng hợp một số chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	17 <u>17</u> 18
Bảng 8: Cơ cấu lao động của Công ty.....	20 <u>20</u> 21
Bảng 9: Tỷ lệ trả cổ tức qua các năm.....	22
Bảng 10: Các khoản còn phải nộp.....	22 <u>22</u> 23
Bảng 11: Số dư các quỹ	23 <u>23</u> 24
Bảng 12: Dư nợ vay trong các năm 2013-2015	23 <u>23</u> 24
Bảng 13: Tình hình công nợ phải thu.....	26 <u>26</u> 27
Bảng 14: Tình hình công nợ phải trả.....	27 <u>27</u> 28
Bảng 15: Tình hình đầu tư tài chính qua các năm.....	27 <u>27</u> 28
Bảng 16: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	28 <u>28</u> 29
Bảng 17: Giá trị tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2014	29 <u>29</u> 30
Bảng 18: Giá trị tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2015	30
Bảng 19: Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang.....	30 <u>30</u> 31
Bảng 20: Tình hình đất đai của Công ty tại thời điểm 15/1/2016.....	30 <u>30</u> 31



I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký giao dịch

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
- Tên nước ngoài: Viet Nam Power Development Joint Stock Company
- Tên Công ty viết tắt: VNPD
- Địa chỉ: Tầng 3 – CT1 – 583 Nguyễn Trãi, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: 04.22131580
- Fax: 04. 35527987
- Website: www.vnprd.com.vn
- Ngày trở thành công ty đại chúng: 15/4/2014
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh Tùng Chức vụ: Tổng giám đốc
- Vốn điều lệ đăng ký: 1.000.000.000.000 đồng (Một nghìn tỷ đồng)
Vốn điều lệ thực góp: 999.966.710.000 đồng (Chín trăm chín mươi chín tỷ chín trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm mười ngàn đồng)
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101264520 (số cũ 0103001110) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/6/2002, đăng ký thay đổi lần 8 số ngày 20/12/2013.
- Ngành nghề kinh doanh chính:
 - + Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: sản xuất, phân phối, bán điện;
 - + Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
 - + Sản xuất khác chưa được phân vào đâu;
 - + Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
 - + Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
 - + Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
 - + Đại lý du lịch;
 - + Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa phân vào đâu;
 - + Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;



- + Giáo dục nghề nghiệp;
- + Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- + Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.

- Sản phẩm chính: Điện năng

2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/1 cổ phiếu
- Mã chứng khoán: VPD
- Tổng số chứng khoán ĐKGD: 99.996.671 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật hoặc của Tổ chức ĐKGD: 0 cổ phiếu
- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và quy định tại Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 19/08/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tính đến thời điểm 15/1/2016, tỷ lệ nắm giữ của cổ đông nước ngoài tại Công ty là 0,03%.

3. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Ngày 03/6/2002, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu với 5 cổ đông sáng lập gồm (i) Tổng Công ty điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam); (ii) Tổng Công ty số 1 – Bộ Xây dựng; (iii) Công đoàn Điện lực Việt Nam; (iv) Công ty sản xuất Thiết bị điện (Nay là Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – Công ty cổ phần); (v) Công ty Tư vấn Xây dựng điện 2 (Nay là Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2). Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty là: Sản xuất, bán điện với mức vốn điều lệ đăng ký là 13,7 tỷ đồng.

Năm 2003, Công ty nhận chuyển nhượng Nhà máy thủy điện Nậm Má (nằm trên địa bàn xã Cao Bồ, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang) từ Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang theo Quyết định số 627/QĐ-UB ngày 04/3/2003 với tổng giá trị chuyển nhượng là 5.040.800.000 đồng. Nhà máy có công suất 3,2 MW gồm 02 tổ máy (mỗi tổ máy có công suất 1,6 MW). Đây là nhà



máy được xây dựng năm 1988-1989 nên đã bị xuống cấp hư hỏng nhiều, thiết bị cũ mòn lạc hậu thường xuyên phải ngừng sản xuất để sửa chữa. Sau khi nhận chuyển nhượng Công ty phải đầu tư sửa chữa gần như toàn bộ lại nhà máy nên mới phát điện trở lại được.

Ngày 19/12/2004, Công ty khởi công xây dựng dự án Nhà máy Thủy điện Bắc Bình có công suất 33 MW gồm 02 tổ máy (mỗi tổ có công suất 16,5 MW), tổng mức đầu tư dự kiến là 571 tỷ đồng. Đây là dự án nhóm B được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cho phép đầu tư tại văn bản số 4260/UBBT – XD/CB ngày 05/12/2003. Nhà máy bắt đầu phát điện từ ngày 27/10/2009.

Ngày 12/9/2007, Công ty khởi công dự án Nhà máy thủy điện Khe Bó tại huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An có tổng mức đầu tư là 2530,5 tỷ đồng, công suất 100 MW gồm 2 tổ máy (mỗi tổ máy có công suất 50 MW). Đây là dự án nhóm A và được Chính phủ cho phép đầu tư tại văn bản số 1793/TTg – CN ngày 07/11/2006, trong công văn có nêu “Dự án được thực hiện theo Điều 4 Quyết định 1195/QĐ – TTg ngày 09/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù để đầu tư xây dựng các công trình điện cấp bách trong giai đoạn 2006-2010”. Tổ máy số 1 phát điện từ ngày 08/5/2013, Tổ máy số 2 phát điện từ ngày 24/8/2013.

Ngày 14/4/2009, Công ty thành lập Trung tâm tư vấn Thiết kế trực thuộc Công ty theo Quyết định số 09/QĐ – VNPD – HDQT, Trung tâm có chức năng nhiệm vụ chính là tư vấn thiết kế các hạng mục công trình do Công ty làm chủ đầu tư, tư vấn cho các đơn vị ngoài với mục đích tạo công ăn việc làm cho CBCNV và tìm kiếm thêm nguồn thu về cho Công ty.

Ngày 03/06/2002, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101264520 (số cũ 0103001110) lần đầu, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 20/12/2013 cho Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam với vốn điều lệ đăng ký là 1.000.000.000.000 đồng, Vốn điều lệ thực góp của Công ty tính đến thời điểm hiện tại là 999.966.710.000 đồng, Công ty sẽ thực hiện thay đổi đăng ký kinh doanh cho đúng với vốn điều lệ thực góp sau khi thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu trong năm 2016 sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 thông qua phương án phát hành (dự kiến 2,5% vốn điều lệ)

Ngày 15/4/2014, Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận là công ty đại chúng.

Ngày 21/03/2016, Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng khoán lần đầu với tổng số lượng chứng khoán là 99.996.671 cổ phiếu.

4. Quá trình tăng vốn

Kể từ thời điểm hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần đến nay, Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam đã trải qua quá trình tăng vốn điều lệ như sau:



Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ

Đơn vị tính: đồng

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Căn cứ pháp lý
1	Năm 2002		13.700.000.000	Vốn góp của 05 cổ đông sáng lập khi thành lập công ty	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001110 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/6/2002
2	2002-2007	394.848.410.000	408.548.410.000	Góp vốn từ các cổ đông sáng lập và CBCNV trong ngành điện	Quy chế góp vốn được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt ngày 18/8/200
3	2008-2010	151.256.720.000	559.805.130.000	Góp vốn từ các cổ đông sáng lập và CBCNV trong ngành điện	Quyết định số 126/QĐ-VNPD-HĐQT ngày 29/12/2007; Nghị quyết số 12/NQ-VNPD-HĐQT ngày 28/11/2008; Nghị quyết số 01/NQ-VNPD-HĐQT ngày 26/3/2010.
4	Năm 2011	108.395.500.000	668.200.630.000	Góp vốn từ các cổ đông sáng lập, một số cổ đông hiện hữu và	Nghị quyết số 03/NQ-VNPD-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông năm 2011



				cổ đông mới	ngày 24/4/2011
5	Năm 2012	147.855.980.000	816.056.610.000	Góp vốn từ các cổ đông sáng lập, EVN và Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại góp bổ sung	Nghị quyết số 05/NQ-VNPD-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 21/4/2012
6	Năm 2013	71.113.820.000	887.170.430.000	Góp vốn từ các cổ đông sáng lập, EVN góp bổ sung	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 số 05/NQ-VNPD-ĐHĐCĐ ngày 25/5/2013
7	Năm 2014	20.894.210.000	908.064.640.000	Chia cổ tức năm 2012 (tỷ lệ 2,5% bằng cổ phiếu)	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 số 05/NQ-VNPD-ĐHĐCĐ ngày 25/5/2013. Công văn số 4718/UBCK-QLPH ngày 21/8/2014 UBCKNN Báo cáo kết quả phát hành số 652/BC-VNPD ngày 21/07/2014 v/v thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu gửi UBCKNN
8	Năm 2015	91.902.070.000	999.966.710.000	Phát hành cổ phiếu ra công chúng và phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn	Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 số 388/NQ-VNPD-

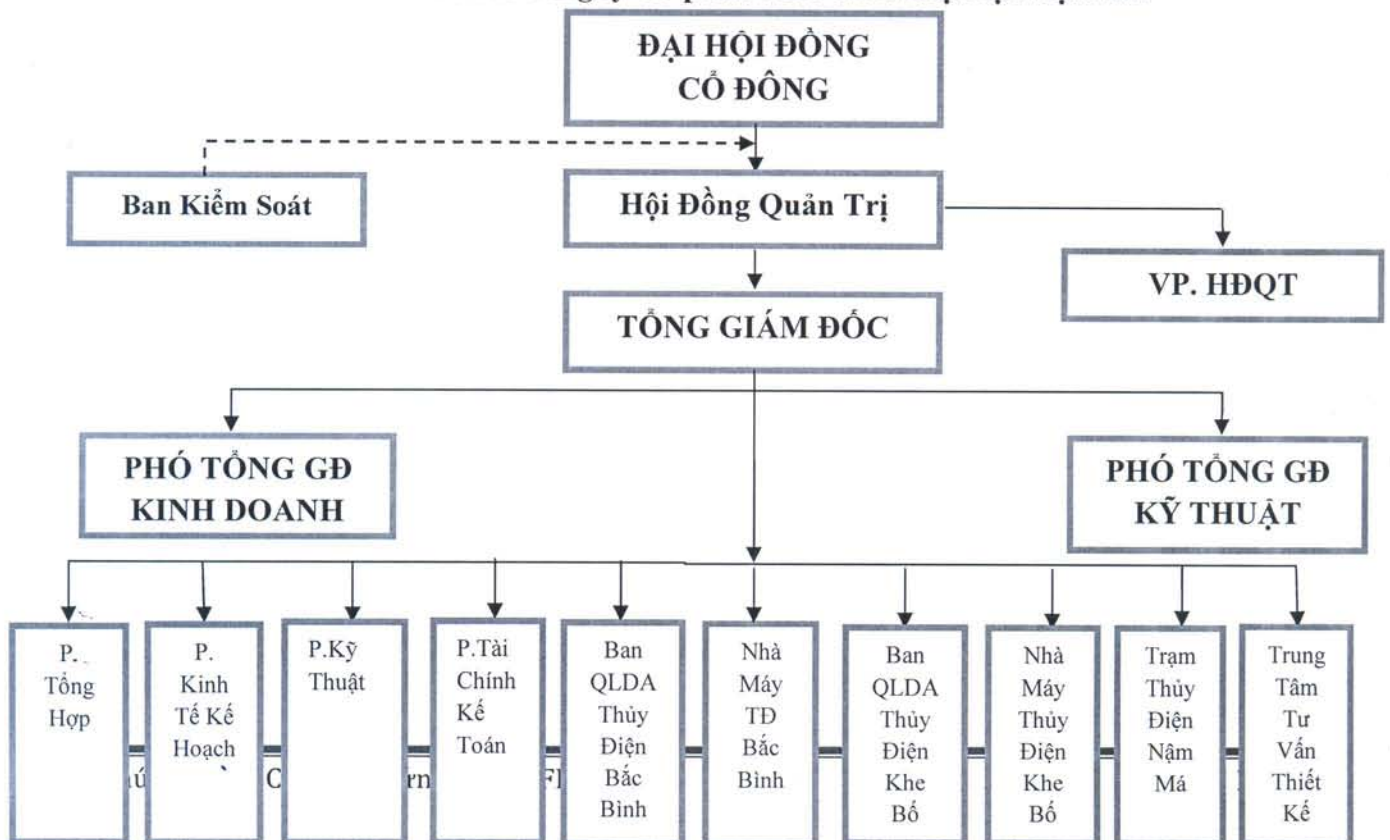


				chủ sở hữu	ĐHĐCĐ ngày 24/4/2015; Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu số 51/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/07/2015 Công văn số 7488/UBCK-QLPH ngày 1/12/2015 Báo cáo kết quả phát hành số 1144/BC-VNPD ngày 23/11/2015
--	--	--	--	------------	---

(Nguồn: Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam)

5. Cơ cấu tổ chức Công ty

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam





Đại Hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần theo qui định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp hiện hành.

Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát Công ty do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Hiện tại Ban Kiểm soát có 04 (bốn) thành viên; nhiệm kỳ là 05 (năm) năm, cụ thể:

1. Ông : **HỒ QUANG HẢI** : Trưởng ban
2. Bà : **NGUYỄN THỊ LIÊN** : Thành viên
3. Ông : **TRẦN ANH TUẤN** : Thành viên
4. Bà : **ĐINH THỊ DIỄM QUỲNH** : Thành viên

Hội đồng quản :

Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty giữa hai kỳ đại hội (theo Điều lệ Công ty quy định).

Hiện tại Hội đồng Quản trị Công ty có 05 (năm) thành viên, nhiệm kỳ là 05 (năm) năm.

1. Ông: **NGUYỄN THANH TÙNG** : Chủ tịch HĐQT
2. Ông: **NGUYỄN TIẾN KHOA** : THÀNH VIÊN HĐQT
3. Ông: **NGUYỄN VĂN THỊNH** : THÀNH VIÊN HĐQT
4. Ông: **NGUYỄN VĂN KHÓA** : THÀNH VIÊN HĐQT
5. Ông: **KHUẤT QUANG MẬU** : THÀNH VIÊN HĐQT

Ban Tổng Giám đốc:

Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những chiến lược, kế hoạch đã được Hội đồng Quản trị Công ty và Đại hội đồng Cổ đông thông qua (quyền hạn và trách nhiệm được quy định trong điều lệ Công ty).



Ban Tổng Giám đốc Công ty: Đứng đầu là Tổng Giám đốc Công ty, thực hiện quản lý điều hành toàn bộ các hoạt động của Công ty. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc, cụ thể:

1. Ông: **NGUYỄN THANH TÙNG** : Tổng Giám đốc

2. Ông: **PHẠM ĐÌNH LÊ** : Phó Tổng Giám đốc

Các Phó Tổng Giám đốc giúp Tổng Giám đốc điều hành, quản lý mọi hoạt động của Công ty, bao gồm các lĩnh vực: điều hành sản xuất kinh doanh điện; đầu tư xây dựng cơ bản; tài chính kế toán; đảm bảo đời sống của CBCNV và các công tác xã hội của Công ty.

Các phòng chức năng Công ty bao gồm:

Phòng Tổng hợp: Tham mưu giúp Tổng Giám đốc quản lý, chỉ đạo, điều hành các công tác sau:

- Công tác hành chính, quản trị;
- Công tác tổ chức cán bộ và đào tạo;
- Công tác lao động, tiền lương;
- Công tác thi đua khen thưởng;
- Công tác bảo vệ, thanh tra, pháp chế.

Phòng Kinh tế - Kế hoạch: Tham mưu giúp Tổng Giám đốc quản lý, chỉ đạo, điều hành các công tác sau:

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Đầu tư xây dựng;
- Kinh tế dự toán xây dựng, sửa chữa lớn;
- Công tác đấu thầu;
- Lập, thẩm tra, thẩm định, trình duyệt các dự án đầu tư (ở giai đoạn quy hoạch, chuẩn bị đầu tư, thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế thi công);
- Quản lý hợp đồng kinh tế, thanh toán, quyết toán và thanh lý hợp đồng;
- Công tác kinh doanh điện.

Phòng Kỹ thuật: Tham mưu giúp Tổng Giám đốc quản lý, chỉ đạo, điều hành các công tác sau:

- Đầu tư xây dựng, quản lý kỹ thuật, chất lượng, tiến độ thi công các dự án;
- Quản lý kỹ thuật sản xuất vận hành các nhà máy điện;
- Quản lý và sử dụng vật tư, thiết bị cho sản xuất;
- Kỹ thuật an toàn, bảo hộ lao động và vệ sinh môi trường;
- Nghiên cứu khoa học, công nghệ, môi trường, sáng kiến cải tiến kỹ thuật và tiêu chuẩn hoá trong quản lý chất lượng;
- Quản lý điều hành các hoạt động mua, bán điện của các nhà máy điện một cách hiệu quả;



- Công tác giảng dạy, thi nâng bậc công nhân kỹ thuật.

Phòng Tài chính kế toán: Tham mưu giúp Giám đốc quản lý, chỉ đạo, điều hành các công tác sau:

- Quản lý tài chính kế toán và tổ chức thực hiện nghiệp vụ về công tác tài chính kế toán trong cơ quan Công ty và các đơn vị trực thuộc theo đúng quy định của Nhà nước;
- Công tác quản lý vốn và các nguồn tài chính thuộc các dự án Công ty đầu tư;
- Cổ phần, cổ phiếu và thị trường chứng khoán của Công ty.

Ban QLDA nhà máy thủy điện Khe Bô (AKB): Có chức năng thực hiện, quản lý dự án nhà máy thủy điện Khe Bô, từ khi bắt đầu thực hiện dự án đến khi kết thúc đưa dự án vào khai thác sử dụng theo đúng các qui định hiện hành của Nhà nước. Hiện nay, nhà máy thủy điện Khe Bô đã đi vào hoạt động, Ban QLDA thủy điện Khe Bô có nhiệm vụ hoàn thiện các hạng mục xây lắp còn lại của Nhà máy và thực hiện công tác quyết toán công trình. Sau khi hoàn thiện xong các phần việc trên, Ban QLDA thủy điện Khe Bô sẽ giải thể.

Nhà máy thủy điện Khe Bô: Có chức năng quản lý, vận hành, sửa chữa nhà máy thủy điện Khe Bô an toàn, hiệu quả và thực hiện các chức năng khác do Công ty giao.

Ban QLDA nhà máy thủy điện Bắc Bình (ABB): Có chức năng thực hiện, quản lý dự án nhà máy thủy điện Bắc Bình, từ khi bắt đầu thực hiện dự án đến khi kết thúc đưa dự án vào khai thác sử dụng theo đúng các qui định hiện hành của Nhà nước. Hiện nay, nhà máy thủy điện Bắc Bình đã đi vào hoạt động, Ban QLDA thủy điện Bắc Bình có nhiệm vụ hoàn thiện các hạng mục xây lắp còn lại của Nhà máy và thực hiện công tác quyết toán công trình. Sau khi hoàn thiện xong các phần việc trên, Ban QLDA thủy điện Bắc Bình sẽ giải thể.

Nhà máy thủy điện Bắc Bình: Có chức năng quản lý, vận hành, sửa chữa nhà máy thủy điện Bắc Bình an toàn, hiệu quả và thực hiện các chức năng khác do Công ty giao.

Trạm thủy điện Nậm Má: Quản lý vận hành nhà máy thủy điện Nậm Má đảm bảo an toàn, hiệu quả và thực hiện các chức năng khác do Công ty giao.

Trung tâm tư vấn thiết kế: Có chức năng tư vấn thiết kế cho các dự án thủy điện, giám sát các hạng mục công trình của nhà máy thủy điện Khe Bô và thực hiện các chức năng khác do Công ty giao.

6. Danh sách cổ đông (tên, địa chỉ) nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ (nếu các quy định về hạn chế chuyển nhượng còn hiệu lực); Cơ cấu cổ đông (tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước và tỷ lệ nắm giữ).

• *Cơ cấu cổ đông*

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 15.1.2016

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
<i>Trong nước</i>				



Tổ chức	11	63.396.925	633.396.925.000	63,40
Cá nhân	7.040	36.571.106	365.711.060.000	36,57
Nước ngoài				
Tổ chức	0	0	0	0
Cá nhân	01	28.640	286.400.000	0,03
Tổng	7.052	99.996.671	999.966.710.000	100

(Nguồn: Sổ cổ đông chốt tại ngày 15/1/2016 của CTCP Phát triển Điện lực Việt Nam)

• **Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty**

Bảng 3. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 15.1.2016

STT	Tên Cổ đông	Địa chỉ	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Phát điện 1	Khu 6, P. Quang Trung, Tp. Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	36.643.750	366.437.500.000	36,64
2	Công Ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại	Phường Phả Lại, Thị Xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương	10.611.312	106.113.120.000	10,61
3	CTCP Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc	362/14 Ung Văn Khiêm, P25, Q. Bình Thạnh, Tp HCM	12.356.550	123.565.500.000	12,36
Tổng cộng			59.611.612	596.116.120.000	59,61

(Nguồn: Sổ cổ đông chốt tại ngày 15/1/2016 của CTCP Phát triển Điện lực Việt Nam)

• **Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ**

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101264520 (số cũ 0103001110) ngày 03/06/2002. Theo qui định tại Luật Doanh nghiệp, đến thời điểm hiện tại, số lượng cổ phiếu do cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

7. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch, những công ty mà tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần

chi phối đối với công ty đại chúng

- Công ty mẹ: Không có
- Công ty con: Không có
- Công ty mà Tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: Không có
- Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký giao dịch: Không có

8. Hoạt động kinh doanh

⚡ Các sản phẩm, dịch vụ
Bảng 3: Cơ cấu doanh thu

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
	Giá trị	Tỷ trọng % DTT	Giá trị	Tỷ trọng % DTT	Giá trị	Tỷ trọng % DTT
Doanh thu bán điện thương phẩm	391.547.945.986	99,85	519.305.889.462	100,00	439.860.619.947	99,82
- Nhà máy Nậm Má	7.079.935.536	1,80	9.674.395.793	1,86	10.435.258.577	2,37
- Nhà máy Bắc Bình	91.711.497.655	23,39	102.958.657.884	19,83	72.965.498.625	16,59
- Nhà máy Khe Bô	292.756.512.795	74,66	406.672.835.785	78,31	356.459.862.745	80,90
Doanh thu tư vấn giám sát	576.001.227	0,15	-	-	774.831.284	0,18
Tổng	392.123.947.213	100,00	519.305.889.462	100,00	440.635.451.231	100,00

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2014 và BCTC năm 2015 do Công ty tự lập)

Bảng 4: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty qua các năm

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
	Giá trị	Tỷ trọng % DTT	Giá trị	Tỷ trọng % DTT	Giá trị	Tỷ trọng % DTT
Lợi nhuận gộp	200.032.572.611	51,09	279.145.103.555	53,75	207.486.415.620	47,17



<i>hoạt động bán điện thương phẩm</i>						
- Nhà máy Nậm Má	1.026.844.630	0,26	3.690.306.207	0,71	5.712.816.469	1,30
- Nhà máy Bắc Bình	43.274.901.544	11,05	47.541.626.933	9,15	20.109.978.415	4,57
- Nhà máy Khe Bô	155.730.826.437	39,77	227.913.170.415	43,89	181.663.620.736	41,30
<i>Lợi nhuận gộp hoạt động tư vấn giám sát</i>	<i>5.388.557</i>	<i>0,00</i>	<i>0</i>	<i>0,00</i>	<i>33.807.298</i>	<i>0,01</i>
Tổng	200.037.961.168	51,09	279.145.103.555	53,75	207.520.222.918	47,18

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2014 và BCTC năm 2015 do Công ty tự lập)

Chi phí sản xuất

Bảng 5: Cơ cấu chi phí sản xuất qua các năm

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
Giá vốn hàng bán	192.085.986.045	48,99	240.160.785.907	46,25	233.115.228.313	52,90
Chi phí quản lý	7.987.263.723	2,04	27.038.165.774	5,21	25.825.294.627	5,86
Chi phí tài chính	126.574.909.770	32,28	166.073.354.841	31,98	137.117.826.460	31,12
Tổng cộng	326.648.159.538	83,30	433.272.306.522	83,43	396.098.349.390	89,89

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2014 và BCTC năm 2015 do Công ty tự lập)

Tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh và cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh của Công ty

Năm 2013, Công ty thực hiện 03 dự án với giá trị là 275.127.653.500 đồng, đạt 90,05% kế hoạch năm. Cụ thể:

❖ Dự án Thủy điện Bắc Bình

Công tác quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình thủy điện Bắc Bình đã hoàn thành và đã được HĐQT Công ty tạm phê duyệt.

Do trong năm 2013, Công ty phải tập trung vốn để hoàn thành Nhà máy thủy điện Khe Bô nên chưa triển khai thi công các hạng mục còn lại. tương đương với 1.050.000.000 đồng, đạt 5,64% kế hoạch năm.

❖ Dự án Nhà máy thủy điện Khe Bô:

Trong năm 2013, đã thực hiện đầu tư hoàn thành về cơ bản các hạng mục công trình. Tổ máy số 1 đã phát điện ngày 08/5/2013, tổ máy số 2 đã phát điện ngày 24/8/2013.



Giá trị đầu tư xây dựng của dự án thủy điện Khe Bô trong năm 2013 là 273.846.130.000 đồng, đạt 95,83% kế hoạch năm.

❖ **Dự án cải tạo, đổ bê tông kênh dẫn nước Trạm thủy điện Nậm Má:**

Theo kế hoạch năm 2013, dự kiến Công ty sẽ triển khai thi công đổ bê tông một số vị trí kênh dẫn nước với giá trị là 600.000.000 đồng. Tuy nhiên, do Công ty thiếu vốn tự có nên phải tập trung nguồn vốn để hoàn thành phát điện 02 tổ máy của Nhà máy thủy điện Khe Bô nên chưa đầu tư hạng mục công trình này của thủy điện Nậm Má.

Năm 2014, Công ty tiếp tục thực hiện đầu tư xây dựng các hạng mục còn lại của 02 dự án với giá trị là 174.311.236.454 đồng, đạt 90,84% kế hoạch năm. Cụ thể như sau:

❖ **Dự án thủy điện Bắc Bình:**

Công tác quyết toán vốn đầu tư xây dựng đã hoàn thành.

Trong năm 2014, Công ty tập trung ĐTXD hạng mục Khu nhà ở và làm việc của CBCNV.

❖ **Dự án Nhà máy thủy điện Khe Bô:**

Năm 2013, 02 Tổ máy của nhà máy thủy điện Khe Bô đã đi vào hoạt động. Trong năm 2014, đã hoàn thành các hạng mục công trình chính, còn một vài hạng mục đang tiến hành hoàn thiện nốt và quyết toán, Công ty đã hoàn thành cơ bản quyết toán Đập dâng, cửa nhận nước và một số hạng mục phụ trợ khác với giá trị khoảng 242 tỷ đồng.

Đầu tư phát triển:

Năm 2014 công tác đầu tư phát triển là 1.610.009.000 đồng, đạt 65,09% kế hoạch năm.

Trong năm 2015, Công ty tiếp tục thực hiện đầu tư xây dựng các hạng mục còn lại của 02 dự án. Cụ thể như sau:

❖ **Dự án Nhà máy thủy điện Khe Bô:** Hoàn thành thi công xử lý sạt trượt vai trái Nhà máy, thi công xử lý sạt lở đường tránh ngập QL7 và các hạng mục cơ sở hạ tầng Tái định cư. Công tác Quyết toán hoàn thành thêm hạng mục công xả cát, cầu trục gian máy, các hạng mục Công ty đang khẩn trương thực hiện.

❖ **Dự án thủy điện Bắc Bình: Hoàn thành thi công hạng mục Nhà làm việc và nhà ở của CBCNV:** Cho đến đầu năm 2016, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh điện là khá tốt khi cả 3 nhà máy đã và đang đi vào hoạt động ổn định, cung cấp hàng trăm triệu KWh điện mỗi năm (530.789.462 KWh theo số liệu năm 2014), đồng thời cũng tiến hành quyết toán các hạng mục đã thi công xong.

• **Hoạt động Marketing**

Việc tiêu thụ sản phẩm điện đã được ký hợp đồng với Công ty Mua bán điện, cộng thêm tình hình cung cấp điện năng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng hiện nay; do đó, đầu ra của sản phẩm rất ổn định. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam không vì vậy mà bỏ qua việc xây dựng và bảo vệ hình ảnh công ty. Bằng việc áp dụng chặt chẽ hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế, đồng thời không ngừng đầu tư cải tiến máy móc thiết bị, kết hợp với đội ngũ cán bộ có chuyên môn cao nhằm mang lại hình ảnh chuyên



nghiệp, chất lượng sản phẩm đảm bảo, mang thương hiệu VNPD đến gần hơn với công chúng.

• **Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền**

- Logo Công ty:



- Tên Công ty viết tắt: **VNPD**

Trang Web của Công ty: “www.vnpd.com.vn” đã được đăng ký tại Trung tâm Internet Việt Nam (VNNIC)-Bộ Thông tin và Truyền thông.

• **Các hợp đồng đang thực hiện và đã ký kết**

Bảng 6: Các hợp đồng lớn đang thực hiện và đã ký kết

STT	Tên khách hàng	Thời gian ký kết	Thời gian thực hiện	Giá trị	Sản phẩm
1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	12/07/2012	Từ ngày 01/01/2012	Căn cứ sản lượng điện hàng tháng	Mua bán điện năng Nhà máy TĐ Bắc Bình
2	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	20/06/2013	Từ ngày 01/04/2013	Căn cứ sản lượng điện hàng tháng	Mua bán điện năng Nhà máy TĐ Khe Bó
3	Tổng công ty Điện lực Miền Bắc	02/05/2014	Từ 05/2014 đến hết tháng 02/2015	Căn cứ sản lượng điện hàng tháng	Mua bán điện năng Trạm TĐ Nậm Nà
4	Tổng công ty Điện lực Miền Bắc	02/03/2015	Từ tháng 03/2015	Căn cứ sản lượng điện hàng tháng	Mua bán điện năng Trạm TĐ Nậm Nà

(Nguồn: CTCPPhát triển Điện lực Việt Nam)

9. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 02 năm gần nhất

• **Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty giai đoạn 2013 - 2015**

Bảng 7: Tổng hợp một số chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị: đồng



Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm	Năm 2015
Tổng giá trị tài sản	3.347.511.836.685	3.117.980.698.629	-6,86	2.876.809.424.633
Vốn chủ sở hữu	1.022.171.043.741	1.042.644.067.367	2,00	1.102.914.624.248
Doanh thu thuần	392.123.947.213	519.305.889.462	32,43	440.635.451.231
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	66.302.842.082	88.845.382.834	34,00	45.484.010.609
Lợi nhuận khác	(335.865.432)	(657.598.817)	95,79	(317.296.377)
Lợi nhuận trước thuế	65.966.976.650	88.187.784.017	33,68	45.166.714.232
Lợi nhuận sau thuế	51.672.738.012	71.417.139.546	38,21	43.281.479.919
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	87,87%	63,57%	-	dự kiến 89,94%
Giá trị sổ sách	11.522	11.482	-0,35%	11.030

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2014 và BCTC năm 2015 do Công ty tự lập)

• Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế, hoạt động kinh doanh của Công ty có sự tăng trưởng khá tốt. Doanh thu thuần năm 2014 của Công ty đã tăng 32,43% so với năm 2013; Lợi nhuận trước thuế tăng tương ứng là 33,68%. Mặc dù chi phí tài chính và giá vốn hàng hóa đã tăng lên tương đối trong năm 2014 (chi phí tài chính tăng 31,21%, giá vốn hàng hóa tăng 25,03%) tuy nhiên Công ty vẫn tạo ra lãi ròng với lợi nhuận sau thuế năm 2014 tăng 38,21%. Năm 2015 do ảnh hưởng của El Niño gây ra hạn hán, lượng nước bị thiếu so với trung bình nhiều năm nên sản lượng điện sản xuất giảm, dẫn đến doanh thu, lợi nhuận của công ty sụt giảm.

Những nhân tố thuận lợi:

Thuận lợi của Công ty là đã và đang được hưởng ưu đãi về Thuế TNDN đối với khoản thu nhập từ Nhà máy thủy điện Bắc Bình và Nhà máy thủy điện Khe Bô.

Những nhân tố khó khăn:

Trở ngại lớn nhất đối với Công ty là việc tiếp cận nguồn vốn vay trong nước cho nhu cầu vốn đầu tư dự án. Mặt khác, do thị trường chứng khoán sụt giảm, tình hình Tài chính nói chung gặp nhiều khó khăn nên Công ty cũng không huy động được đủ nguồn vốn tự có do các cổ đông góp làm vốn đối ứng để thực hiện vay vốn đầu tư các Dự án. Mặt khác việc sử dụng nguồn vốn vay lớn dẫn đến chi phí tài chính tăng làm giảm lợi nhuận. Mặc dù, Công ty gặp rất nhiều khó khăn về nguồn vốn nhưng vẫn chủ động được Tài chính trong giai đoạn khó khăn này.

Trở ngại nữa đối với Công ty, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả SXKD là giá mua bán điện của ba Nhà máy hiện tại đang thấp: giá mua bán điện của Nhà máy Nậm Mả là 785,5 đ/kwh, Nhà máy Bắc Bình là 744 đ/kwh và Nhà máy Khe Bô là 932,34 đ/kwh. Công ty đang tiến hành đàm phán lại giá mua bán điện phù hợp với công suất thực tế.



Về lãi suất vay để đầu tư các Nhà máy điện cũng làm ảnh hưởng lớn đến kết quả SXKD của Công ty: Nguồn vốn để Công ty đầu tư các Nhà máy điện chủ yếu là từ vốn vay, tỷ trọng vốn vay đầu tư xây dựng các Nhà máy chiếm 70% Tổng số vốn.

Năm 2015 là năm hết sức khó khăn của Công ty do lượng nước thiếu hụt, là nguyên nhân khiến Công ty không đạt được sản lượng điện kế hoạch. Đặc biệt tháng 6, 7, 10, 11 tổng sản lượng các nhà máy chỉ đạt dưới 65% do ảnh hưởng của El Nino gây hạn hán, lượng mưa ít, lượng nước về các hồ thủy điện thấp nên thời gian dừng phát của các nhà máy nhiều, đặc biệt như Bắc Bình tháng 11 chỉ đạt 25% kế hoạch tháng. Đến hết năm 2015 Công ty thiếu hụt 96,95 triệu kWh dẫn đến doanh thu giảm 74,3 tỷ đồng.

10. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành

• Vị thế của công ty trong ngành

Theo quyết định số 148/2006/QĐ-TTg ngày 22/6/2006 của Thủ tướng Chính phủ, Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam là thành viên liên kết của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Theo quyết định số 3023/QĐ-BCT ngày 01/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Công thương, Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam là Công ty liên kết của Tổng Công ty Phát điện 1.

Nhà máy thủy điện Khe Bô là dự án quan trọng nằm trong Quy hoạch Phát triển Điện lực quốc gia giai đoạn 2006 – 2015 có xét đến 2025 (gọi tắt là Quy hoạch Điện VII) và đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt kèm theo Quyết định số 110/2007/QĐ-TTg ban hành ngày 18/8/2007. Đây không chỉ là dự án trọng điểm trong ngành công nghiệp năng lượng trên địa bàn tỉnh Nghệ An, Nhà máy thủy điện Nậm Má, Bắc Bình, Khe Bô còn có ý nghĩa đặc biệt trong việc giảm thiểu thiếu hụt lượng điện trên cả nước hiện nay.

• Triển vọng phát triển của ngành

Ngành điện hiện nay vẫn đang là ngành có nhu cầu lớn hơn khả năng sản xuất trong nước. Tình trạng thiếu điện Việt Nam vẫn còn tiếp tục xảy ra, đặc biệt là vào mùa khô khi các dự án thủy điện thiếu nước. Nguyên nhân chính của hiện tượng này là do giá điện thương phẩm hiện nay còn thấp, không khuyến khích được tư nhân đầu tư mạnh vào các dự án nhiệt điện mà tập trung chủ yếu vào các dự án thủy điện với chi phí vận hành thấp nên ngành điện nước ta hiện nay đang lệ thuộc rất lớn vào thủy điện. Theo dự báo nhu cầu điện sẽ tiếp tục gia tăng trong năm 2013 khi tăng trưởng GDP khoảng 5,2 % thì nhu cầu điện tăng khoảng 13% (nhu cầu điện thương phẩm khoảng 118,56 kWh) và trong dài hạn tốc độ tăng trưởng nhu cầu điện cao hơn 2 lần so với tốc độ tăng trưởng GDP (Theo báo cáo về tình hình kinh tế xã hội 2012 và kế hoạch phát triển năm 2013 của Chính Phủ).

Về triển vọng điều chỉnh giá bán điện:

Hiện nay, sau nhiều lần tăng giá điện thì giá bán lẻ điện của Việt Nam hiện ở mức bình quân 1.622,01 đồng/kWh (chưa có VAT) (tương đương 7,7 cent/kWh) hiện đang thấp hơn so với khu vực (bình quân trên 10 cent/kWh). Do đó, trong tương lai giá bán điện có khả năng sẽ được chính phủ cho phép tăng nhằm mục tiêu chuẩn bị cho quá trình xây dựng thị trường điện cạnh tranh và khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực điện năng.

Về mức độ phát triển ngành



Với đặc thù của ngành sản xuất điện, chi phí đầu tư vào vận hành các nhà máy sản xuất điện khá lớn nhưng giá điện thương phẩm còn khá thấp nên rào cản ra nhập thị trường cao. Do đó, đối tượng tham gia thị trường sản xuất điện tại Việt Nam chủ yếu là các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các Tổng công ty/Tập đoàn công nghiệp nặng khác. Việc đầu tư vào ngành điện gần đây được khuyến khích và hỗ trợ rất nhiều từ Chính phủ với nhiều phương án cụ thể như: Hỗ trợ nguồn vốn vay có lãi suất thấp từ các tổ chức quốc tế, hỗ trợ từ chính sách thuế và đầu tư, hỗ trợ giá nguyên liệu đầu vào và điều chỉnh giá bán điện theo cơ chế thị trường... Do đó, Ngành điện trong tương lai gần có rất nhiều triển vọng và cơ hội đầu tư.

11. Chính sách đối với người lao động

• Cơ cấu lao động

Nhân lực là yếu tố quan trọng quyết định thành công của mọi doanh nghiệp. Do vậy, Công ty luôn đặt vấn đề đào tạo nhận lực và thực hiện chính sách thu hút và đào tạo lao động giỏi lên vị trí hàng đầu trong hoạch định chiến lược doanh nghiệp.

Số lượng người lao động trong Công ty: Tổng số CBCNV Công ty thời điểm 15/1/2016 là 147 người, trong đó:

Bảng 8: Cơ cấu lao động của Công ty

STT	Đơn vị	Tổng cộng	Trong đó					
			Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Công nhân kỹ thuật	Lái xe	Bảo vệ tạp vụ (Bộ phận khoán)
1	Văn phòng Công ty	44	4	30	1	0	4	5
2	Trạm thủy điện Nậm Má	13	0	0	8	4	0	1
3	Ban QLDA thủy điện Khe Bô	4	0	4	0	0	0	0
4	Nhà máy thủy điện Khe Bô	49	0	14	21	4	2	8
5	Nhà máy thủy điện Bắc Bình	37	0	13	10	6	2	6
	Tổng cộng:	147	4	61	40	14	8	20



(Nguồn: Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam)

• **Chế độ làm việc**

- Thời gian làm việc: 8h ngày và 40h/tuần.
- Đối với nhân viên hành chính làm việc từ 8h00 đến 12h00 và 13h00 đến 17h00.
- Đối với công nhân vận hành thiết bị trong dây chuyền sản xuất làm việc theo lịch 3 ca – 4 kíp.
- Nghỉ phép, lễ, tết: Nhân viên Công ty được nghỉ theo đúng quy định của Nhà nước.
- Nghỉ ốm, thai sản: Thời gian và chế độ được hưởng theo đúng quy định của Nhà nước.
- Điều kiện làm việc: Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên làm việc, bằng việc trang bị đầy đủ thiết bị làm việc cũng như các thiết bị bảo hộ, xây dựng và cung cấp cơ sở vật chất tối ưu nhất giúp nhân viên đạt hiệu suất cao nhất trong công việc. Ngoài ra, nguyên tắc an toàn lao động luôn được Công ty giám sát và tuân thủ nghiêm ngặt.

• **Chính sách đào tạo**

- Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, Công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất.
- Hỗ trợ kinh phí đào tạo trong nước trong việc học tập nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật.
- Định kỳ hàng năm tổ chức các lớp học, thi nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật.
- Tạo ra phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.

• **Chính sách lương thưởng, trợ cấp**

Công ty chi trả tiền lương căn cứ theo chất lượng và hiệu quả công việc thực tế đóng góp của từng CBCNV vào kết quả SXKD của Công ty theo Quy định phân chia tiền lương đã được thông báo đến toàn bộ CBCNV.

Căn cứ vào doanh thu, năng lực và hiệu quả công việc của nhân viên hàng năm, Công ty xem xét và áp dụng các chế độ thưởng vào cuối năm như: Thưởng tháng lương thứ 13; thưởng cho các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua hoàn thành kế hoạch SXKD của Công ty theo Thỏa ước lao động tập thể Công ty, Qui chế thi đua khen thưởng Công ty và các qui định của pháp luật hiện hành.

12. Chính sách cổ tức

Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định về chi trả cổ tức trong Điều lệ của Công ty và các văn bản pháp lý liên quan.

Việc chi trả cổ tức bằng tiền hoặc cổ phiếu được căn cứ tình hình thực tế về nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh của Công ty, Trong năm 2015 Công ty chưa thực hiện tạm ứng cổ tức.

Tỷ lệ trả cổ tức chi trả cho cổ đông qua các năm như sau:



Bảng 9: Tỷ lệ trả cổ tức qua các năm

Năm	Tỷ lệ trả cổ tức	Hình thức trả cổ tức
2011	1%	Tiền mặt
2012	2,5%	Cổ phiếu
2013	5%	Tiền mặt
2014	5%	Tiền mặt
2015 (dự kiến)	5%	Tiền mặt

(Nguồn: Công ty CP Phát triển Điện lực Việt Nam)

13. Tình hình tài chính

• **Các chỉ tiêu cơ bản**

- Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	05 – 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm
Quyền sử dụng đất	70 năm
Phần mềm kế toán và TSCĐ vô hình khác	03 – 10 năm

➤ **Thanh toán các khoản nợ tới hạn:**

Hiện tại, Công ty không có các khoản nợ quá hạn, khả năng trả nợ Ngân hàng của Công ty đang trong tình trạng tốt và đúng hạn.

➤ **Các khoản phải nộp theo luật định:**

Bảng 10: Các khoản còn phải nộp

Đơn vị: Đồng

Khoản mục	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Thuế giá trị gia tăng	2.320.918.030	419.061.837	812.330.823
Thuế thu nhập DN	13.052.678.418	11.511.299.173	
Thuế thu nhập cá nhân	78.577.079	119.920.257	37.958.438
Thuế tài nguyên	859.611.370	1.349.398.173	1.490.018.093
Các loại thuế khác	2.167.824.000	183.767.524	



Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.486.882.000	2.568.407.755	1.885.443.360
Tổng cộng	19.966.490.897	16.151.854.719	4.225.750.714

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2014 và BCTC năm 2015 do Công ty tự lập)

Các loại thuế phải nộp theo Luật định Công ty đã thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng các quy định hiện hành.

➤ **Trích lập các quỹ theo luật định:**

Theo Quy chế Quản lý tài chính, hàng năm Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật, trích lập quỹ dự phòng tài chính; quỹ đầu tư phát triển, khen thưởng, phúc lợi. Tỷ lệ trích lập các quỹ do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề nghị của Hội đồng quản trị.

Bảng 11: Số dư các quỹ

Đơn vị: Đồng

Khoản mục	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	76.810.958.104	74.372.862.210	60.894.466.278
Quỹ đầu tư phát triển	4.982.515.476	6.015.970.236	12.670.770.579
Quỹ dự phòng tài chính	2.791.248.161	3.824.702.921	
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(143.538.977)	2.955.737.515	7.516.521.993

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2014 và BCTC năm 2015 do Công ty tự lập)

➤ **Tổng dư nợ vay của Công ty trong những năm gần nhất:**

Bảng 12: Dư nợ vay trong các năm 2013-2015

Đơn vị: Đồng

Khoản mục	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015
Vay và Nợ ngắn hạn	229.394.000.000	300.277.667.500	262.494.716.045
Vay và nợ Nợ dài hạn	1.615.363.460.424	1.404.023.915.963	1.265.287.847.917
Tổng cộng	1.844.757.460.424	1.704.301.583.463	1.527.782.563.962

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2014 và BCTC năm 2015 do Công ty tự lập)

⚡ **Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

^[1] Khoản vay Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng vay số 62/14/HĐTD/II.17 ngày 29/12/2014 với các điều khoản chi tiết như sau:

- Tổng giá trị khoản vay 35.000.000.000 VND;



- Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2014 là 20.821.031.500 VND;
- Thời hạn vay: Từ 29/12/2014 đến 05/01/2015;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, chi trả cổ tức năm 2013 và trả gốc, lãi vay ngân hàng;
- Tài sản đảm bảo: Hợp đồng tiền gửi số 03-0410-14/HĐTG/ABBANK-PLDLVN ngày 04/01/2014 của Công ty tại Ngân hàng TMCP AN BÌNH với tổng giá trị tài sản là 10.000.000.000 VND; Hợp đồng tiền gửi số 02-3010-14-HĐTG/ABBANK-PLDLVN ngày 30/10/2014 của Công ty tại Ngân hàng TMCP An Bình với tổng giá trị tài sản là 20.000.000.000 VND; Hợp đồng tiền gửi số 02-0410-14/HĐTG-PLDLVN ngày 04/01/2014 của Công ty tại Ngân hàng TMCP An Bình với tổng giá trị tài sản là 10.000.000.000 VND.

^[2] Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 02/2014-HĐTĐ/NHCT106-VNPD ngày 31/12/2014 với các nội dung cơ bản sau:

- Tổng giá trị khoản vay: 9.000.000.000 VND;
- Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2014 là 9.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Chi trả cổ tức 2013;
- Thời hạn vay: 8 ngày;
- Lãi suất: 7%/năm;
- Tài sản đảm bảo: Hợp đồng tiền gửi ký giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội và Công ty số tài khoản 113010001755466 có giá trị tài sản là 9.500.000.000 VND.

Thông tin liên quan đến các khoản vay dài hạn:

^[1] Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 204/HĐTĐ – NHN ngày 19/09/2004 với các nội dung cơ bản sau:

- Tổng giá trị khoản vay: 276.000.000.000 VND;
- Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2014 là 84.847.712.679 VND. Trong đó, nợ dài hạn trả trong năm 2015 là 40.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Tài trợ vốn cho dự án Nhà máy Thủy điện Bắc Bình;
- Thời hạn vay: 132 tháng;
- Lãi suất: Bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng trả sau và mức chênh lệch theo quy định Tổng giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam;
- Thế chấp bằng tài sản hình thành từ dự án đầu tư (Nhà máy Thủy điện Bắc Bình).



^[2] Vay ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Thuận theo Hợp đồng số 5D/2004/HĐTD ngày 30/06/2012 sửa đổi Hợp đồng tín dụng số 05/2004/HĐTD ngày 26/04/2004 với các nội dung cơ bản sau:

- Tổng giá trị khoản vay: 116.000.000.000 VND;
- Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2014 là 14.996.647.000 VND là nợ đến hạn trả trong năm 2015;
- Mục đích vay: tài trợ vốn cho dự án Nhà máy Thủy điện Bắc Bình;
- Thời hạn vay: 120 tháng;
- Lãi suất: 8,4%/năm;
- Thế chấp bằng tài sản hình thành từ dự án đầu tư (Nhà máy Thủy điện Bắc Bình).

^[3] Vay ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 1398/14//TD-TT/II.17 ngày 23 tháng 10 năm 2014 với các nội dung cơ bản sau:

- Tổng giá trị khoản vay: 18.000.000.000 VND;
- Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2014 là 3.001.416.000 VND. Trong đó, nợ đến hạn trả trong năm 2015 là 2.059.989.000 VND;
- Mục đích vay: Giải ngân tài trợ và bồi hoàn hạng mục xây dựng Khu nhà ở và làm việc cho cán bộ công nhân viên của nhà máy Thủy điện Bắc Bình;
- Thời hạn vay: 24 tháng, thời hạn gốc vay là 06 tháng; lãi suất tính từ ngày Bên vay rút tiền vay lần đầu;
- Lãi suất thay đổi định kỳ 6 tháng/lần theo chính sách Ngân hàng;
- Cầm cố, thế chấp các tài sản sau:
 - + Căn hộ 301, 302, 303, 304, 305, 306, 307, 308, 309, nhà CT1, Khu nhà ở và Dịch vụ thương mại Nàng Hương, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, tổng giá trị tài sản: 17.658.000.000 VND;
 - + Hợp đồng tiền gửi/Sổ tiết kiệm do Ngân hàng phát hành (xác định giá trị cụ thể theo từng trường hợp phát sinh cụ thể).

^[4] Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An theo các Hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng số 32/2013/HĐSĐBSTĐĐT-NHPT ngày 27/06/2013 sửa đổi, bổ sung Hợp đồng số 70/2008/HĐTD với các nội dung cơ bản sau:

- Tổng giá trị khoản vay: 1.640.000.000.000 VND;



- Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2014 là 1.335.811.431.191 VND. Trong đó, nợ đến hạn trả trong năm 2015 là 156.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Tài trợ vốn cho dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bô;
- Thời hạn vay: 153 tháng;
- Lãi suất: 10,5%/năm từ tháng 12/2014 trở đi;
- Thế chấp bằng tài sản hình thành từ dự án đầu tư (Nhà máy Thủy điện Khe Bô).

Hợp đồng số 07/2013/HĐTD ngày 28/02/2013 với các nội dung cơ bản sau:

- Tổng giá trị khoản vay: 240.000.000.000 VND;
- Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2014 là 25.628.505.252 VND. Trong đó, nợ đến hạn trả trong năm 2015 là 22.200.000.000 VND;
- Mục đích vay: Tài trợ vốn cho dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bô;
- Thời hạn vay: 94 tháng;
- Lãi suất: 11%/năm từ năm 2015 trở đi;
- Thế chấp bằng tài sản hình thành từ dự án đầu tư (Nhà máy Thủy điện Khe Bô).

^[5] Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội theo các Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐTD ngày 11/11/2013 với các nội dung cơ bản sau:

- Tổng giá trị khoản vay: 300.000.000.000 VND;
- Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2014 là 210.194.839.841 VND. Trong đó, nợ đến hạn trả trong năm 2015 là 35.200.000.000 VND;
- Mục đích vay: Tài trợ vốn cho dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bô;
- Thời hạn vay: 108 tháng;
- Lãi suất: Lãi suất cơ sở và biên độ 4,5%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất sàn cho vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội;
- Thế chấp bằng tài sản hình thành từ dự án đầu tư (Nhà máy Thủy điện Khe Bô).

➤ **Tình hình công nợ hiện nay:**

Bảng 13: Tình hình công nợ phải thu

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015
<i>Phải thu ngắn hạn</i>	<i>211.022.350.128</i>	<i>135.312.613.754</i>	<i>95.598.259.377</i>



Phải thu từ khách hàng	76.667.227.852	25.598.574.782	29.427.919.686
Trả trước cho người bán	133.294.605.184	102.461.381.009	56.748.580.942
Phải thu khác	1.060.517.092	7.252.657.963	9.421.758.749
Phải thu dài hạn	-	-	-
Tổng	211.022.350.128	135.312.613.754	95.598.259.377

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2014 và BCTC năm 2015 do Công ty tự lập)

Bảng 14: Tình hình công nợ phải trả

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015
I. Nợ ngắn hạn	399.111.879.521	458.381.334.191	408.723.371.469
1. Vay và nợ ngắn hạn	229.394.000.000	300.277.667.500	262.494.716.045
2. Phải trả người bán	126.915.168.477	110.885.764.837	112.787.576.527
3. Người mua trả tiền trước	302.460.000	302.460.000	102.460.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19.966.490.897	16.151.854.719	4.225.750.714
5. Phải trả người lao động	4.828.592.699	7.653.955.495	3.655.237.034
6. Chi phí phải trả	2.293.848.128	2.943.786.265	3.119.543.709
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15.554.858.297	17.210.107.860	14.821.565.447
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	(143.538.977)	2.955.737.515	7.516.521.993
II. Nợ dài hạn	1.926.228.913.423	1.616.955.297.071	1.365.171.428.916
1. Vay và nợ dài hạn	1.615.363.460.424	1.404.023.915.963	1.265.287.847.917
2. Phải trả dài hạn nội bộ	310.865.452.999	212.293.381.108	99.883.580.999
Tổng cộng	2.325.340.792.944	2.075.336.631.262	1.773.894.800.385

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2014 và BCTC năm 2015 do Công ty tự lập)

Bảng 15: Tình hình đầu tư tài chính qua các năm



Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015
Đầu tư tài chính ngắn hạn (*)	-	5.000.000.000	-
Đầu tư tài chính dài hạn	822.581.180	1.199.402.628	1.199.402.628
Đầu tư dài hạn khác (**)	1.950.000.000	1.950.000.000	1.950.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.127.418.820)	(750.597.372)	(750.597.372)

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2014 và BCTC năm 2015 do Công ty tự lập)

(*): Khoản đầu tư ngắn hạn tại ngày 31/12/2014 là khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng có giá trị 5.000.000.000 VNĐ được gửi tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An với lãi suất 5,1%/năm, trả lãi một lần khi đến hạn

(**): Thông tin chi tiết về khoản đầu tư dài hạn khác của Công ty:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thủy điện Cẩm Sơn	Lạng Sơn	8,6%	8,6%	Sản xuất điện năng

• Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 16: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1, Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (=TSLD/Nợ NH)	Lần	0,70	0,50	0,37
- Hệ số thanh toán nhanh (=TSLD-Hàng tồn kho)/Nợ NH	Lần	0,70	0,49	0,36
2, Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số nợ/tổng tài sản	Lần	0,69	0,67	0,62
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	Lần	2,27	1,99	1,61
3, Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho (Giá	Vòng	78,91	89,45	92,3



VHB/HTK bình quân)				
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,12	0,16	0,15
4, Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	13,18	13,75	9,82
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH bình quân	%	5,06	6,92	4,03
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS bình quân	%	1,54	2,29	1,44
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	%	16,91	17,11	10,32

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2014 và BCTC năm 2015 do Công ty tự lập)

14. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của công ty)

Bảng 17: Giá trị tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2014

Đơn vị: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	%Giá trị còn lại/Nguyên giá
Tài sản cố định hữu hình	6.655.629.510.577	893.506.080.197	86,58%
Nhà cửa, vật kiến trúc	1.641.071.894.660	184.324.463.434	88,77%
Máy móc, thiết bị	1.682.576.144.632	259.778.475.445	84,56%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	522.158.219	315.054.699	39,66%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3.331.459.313.066	449.088.086.619	86,52%
Tài sản cố định vô hình	4.121.558.661	332.014.768	91,94%
Quyền sử dụng đất	3.857.548.229	239.336.955	93,80%
Phần mềm máy tính	172.195.842	52.850.634	69,31%
Tài sản cố định vô hình khác	91.814.590	39.827.179	56,62%
Tổng cộng	6.659.751.069.238	893.838.094.965	86,58%

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2014)



Bảng 18: Giá trị tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2015

Đơn vị: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	%Giá trị còn lại/ nguyên giá
Tài sản cố định hữu hình	3.331.499.313.066	629.617.504.506	81,10%
Nhà cửa, vật tư kiến trúc	1.641.306.843.793	259.829.000.836	84,17%
Máy móc thiết bị	1.682.616.144.632	364.217.465.725	78,35%
Phương tiện vận tải	7.054.166.422	5.186.392.414	26,48%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	522.158.219	384.645.531	26,34%
Tài sản cố định vô hình	4.121.558.661	432.787.331	89,50%
Quyền sử dụng đất	3.857.548.229	287.049.838	92,56%
Phần mềm tin học	172.195.842	70.070.214	59,31%
TSCĐ vô hình khác	91.814.590	75.667.279	17,59%
Tổng cộng	3.335.620.871.727	630.050.291.837	81,11%

(Nguồn: BCTC năm 2015 do Công ty tự lập)

Bảng 19: Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015
Dự án thủy điện Bắc Bình	825.798.205	15.384.033.834
Nhà điều hành nhà máy thủy điện Bắc Bình	564.665.720	15.384.033.834
Công trình khác	261.132.485	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định		166.309.500
Nhà máy thủy điện Bắc Bình	-	35.800.000
Nhà máy thủy điện Khe Bó	-	130.509.500
Cộng	825.798.205	15.550.343.334

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2014 và BCTC năm 2015 do Công ty tự lập)

Bảng 20: Tình hình đất đai của Công ty tại thời điểm 15/1/2016



Địa điểm	Diện tích (m2)	Căn cứ pháp lý
Tổng diện tích đất Công ty đang quản lý, sử dụng	2.323.172	
<i>Trong đó:</i>		
Trụ sở Công ty tại 583 Nguyễn Trãi, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	828	Giấy chứng nhận sử dụng đất 50 năm, trụ sở công ty
Nhà máy Thủy điện Khe Bô: (chưa có diện tích đất phần sử dụng lòng hồ)	673.497	Giấy chứng nhận sử dụng đất 45 năm, đất công trình năng lượng
Nhà máy Thủy điện Bắc Bình:	1.630.646	Giấy chứng nhận sử dụng đất 60 năm, đất công trình năng lượng
Nhà máy thủy điện Nậm Má:	18.201	Giấy chứng nhận sử dụng đất 40 năm, đất công trình năng lượng

Nguồn: CTCP Phát triển Điện lực Việt Nam

15. Kế hoạch lợi nhuận cổ tức năm tiếp theo

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2014	Năm 2015		Năm 2016	
		Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2014	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2015
Vốn điều lệ	908.064.640.000	1.000.000.000.000	10,12%	1.024.965.870.000	2,50%
Doanh thu thuần	519.305.889.462	516.155.980.000	-0,61%	442.671.142.283	-14,24%
Lợi nhuận sau thuế	71.417.139.546	77.934.770.677	9,13%	53.221.213.853	-31,71%
Tỷ lệ LNST/DTT	13,75%	15,10%	-	12,02%	-
Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ	7,86%	6,97%	-	5,19%	-
Cổ tức	5%	6,50%	-	5,00%	-



(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015, BCTC năm 2015 tự lập, Tờ trình kế hoạch kinh doanh của HĐQT dự kiến trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam)

Thực tế thực hiện năm 2015 (căn cứ BCTC năm 2015 chưa kiểm toán) như sau:

- Vốn điều lệ: 999.966.710.000 đồng tương đương 99,997 % kế hoạch
- Doanh thu thuần đạt: 440.635.451.231 đồng tương đương với 85,37% kế hoạch
- Lợi nhuận sau thuế đạt: 43.281.479.919 đồng tương đương 55,54% kế hoạch

❖ **Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Trước những diễn biến hết sức khó khăn trong năm 2015 và dự kiến sẽ kéo dài hết năm 2016 do lượng nước thiếu hụt, khiến Công ty không đạt được sản lượng điện kế hoạch. Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực đặt mục tiêu tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu suất làm việc của Cán bộ công nhân viên lên hàng đầu. Bên cạnh đó, công ty cũng hết sức chú trọng đến công tác đầu tư xây dựng cơ bản, đàm phán lại giá điện hợp lý, gia tăng lợi nhuận cho công ty. Cụ thể như sau:

⚡ **Về Công tác tổ chức, nhân sự, đào tạo và chăm lo đời sống của CBCNV:**

Công ty sẽ nghiên cứu, cơ cấu lại tổ chức của các nhà máy điện, văn phòng Công ty theo hướng quản lý tập trung tại văn phòng Công ty, chuyển đổi dần mô hình nhà máy thành các phân xưởng vận hành nhằm tinh giảm biên chế bộ máy hành chính và hoạt động hiệu quả. Trước mắt trong năm 2016, tiến hành rà soát lại định biên của các phòng, ban Công ty và các đơn vị để đưa ra khỏi bộ máy các nhân sự làm việc kém hiệu quả và bổ sung các nhân sự có năng lực trình độ đáp ứng được các yêu cầu nhiệm vụ SXKD. Hoàn thiện qui chế phân phối tiền lương để trả lương đúng người, đúng việc nhằm nâng cao thu nhập cho người lao động có năng suất, chất lượng và hiệu quả cao. Nghiên cứu các chính sách đãi ngộ đối với lực lượng nòng cốt góp phần thu hút, xây dựng lực lượng lao động chuyên môn, kỹ thuật cao để phát triển Công ty bền vững.

Triển khai đào tạo chuyên môn hệ thống điện văn bằng 2 cho CBCNV hệ kỹ thuật từ Công ty đến các đơn vị nhằm đáp ứng công tác SXKD điện theo đề án tổ chức đã được duyệt. Tổ chức cho CBCNV tham gia các lớp học bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ thủy điện ngắn hạn. Tổ chức các khóa học tập kinh nghiệm quản lý để nâng cao kiến thức quản lý và điều hành.

Hoàn thiện và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008 của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý điều hành của Công ty.

Thực hiện sâu rộng qui tắc ứng xử văn hóa EVNGENCO1, văn hóa doanh nghiệp trong CBCNV nhằm xây dựng hình ảnh đẹp cũng như uy tín của Công ty trong xã hội.

Hưởng ứng và phát động các phong trào thi đua SXKD do EVNGENCO1 và Công ty tổ chức. Đẩy mạnh công tác phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, chú trọng công tác vệ sinh, an toàn lao động nhằm nâng cao năng suất lao động và SXKD điện an toàn hiệu quả. Tích cực chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV Công ty.



± Về nhiệm vụ sản xuất kinh doanh:

Rà soát, bổ sung, sửa đổi các quy trình quy phạm vận hành sửa chữa.

Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị thường xuyên, theo định kỳ các thiết bị, đảm bảo các tổ máy của Nhà máy thủy điện Khe Bô, Bắc Bình và Nậm Mả luôn luôn sẵn sàng vận hành với khả năng tối ưu.

Rà soát danh mục, chủng loại các vật tư dự phòng cần thiết tối thiểu cho quá trình sản xuất điện của các Nhà máy. Thực hiện mua sắm trước đối với những vật tư thiết yếu hoặc những vật tư có nguy cơ hư hỏng (phát hiện khi kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị) để sẵn có vật tư thay thế khi sửa chữa thường xuyên hoặc khi có sự cố xảy ra.

Thực hiện tốt công tác chào giá điện của Nhà máy thủy điện Bắc Bình và Nhà máy thủy điện Khe Bô.

Thực hiện nghiêm túc các chỉ tiêu tối ưu hóa chi phí do EVNGENCO1 giao.

± Nhiệm vụ Đầu tư xây dựng

- Nhà máy Khe Bô:

+ Hoàn thành thi công các hạng mục cơ sở hạ tầng TĐC còn lại.

+ Xem xét, nghiên cứu biện pháp nạo vét hạ lưu kênh xả nhà máy để tăng sản lượng phát điện.

+ Xây dựng trụ sở làm việc và nơi ở cho CBCNV nhà máy.

+ Tập trung hoàn thành công tác quyết toán công trình chính và các hạng mục Tái định cư đã hoàn thành.

Ngoài ra, trong năm 2016, Công ty dự kiến tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu để tăng vốn điều lệ trên 1.000 tỷ đồng, đủ năng lực tài chính để đầu tư vào các dự án về năng lượng trong thời gian tới.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, cam kết bảo lãnh, cam kết vay, cho vay...)

Không có

17. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

Chiến lược, định hướng phát triển của Công ty như sau:

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Đảm bảo sản xuất điện an toàn, ổn định vượt mức kế hoạch được ĐHĐCĐ giao. Thực hiện tốt công tác chào giá điện cạnh tranh của Nhà máy thủy điện Bắc Bình và Nhà máy thủy điện Khe Bô;



- Tiếp tục công tác đào tạo cán bộ và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đảm bảo mục tiêu nắm bắt và nhận chuyển giao toàn bộ công nghệ từ nhà thầu Trung Quốc, vận hành các tổ máy một cách độc lập, an toàn và liên tục;
- Sửa chữa thường xuyên các tổ máy của các Nhà máy điện.
- Triển khai các ngành nghề đã được Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cho phép để tăng doanh thu cho Công ty;
- Tìm kiếm đầu tư dự án thủy điện mới;
- Mua và chuyển trụ sở Công ty sang địa điểm mới tại Hà Nội.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- *Về nhu cầu:*

Ngành điện hiện nay vẫn đang là ngành có nhu cầu lớn, lượng cung thấp hơn so với nhu cầu sản xuất trong nước. Tình trạng thiếu điện tại Việt Nam vẫn thường xuyên diễn ra, đặc biệt là vào mùa khô khi các dự án thủy điện thiếu nước.

- *Về triển vọng điều chỉnh giá bán điện:*

Hiện nay, sau nhiều lần tăng giá điện thì giá bán lẻ điện của Việt Nam hiện ở mức 1.622,01 đồng/kWh (chưa có VAT) (tương đương 7,7 cent/kWh) hiện đang thấp hơn so với khu vực (bình quân trên 10 cent/kWh). Do đó, trong tương lai giá bán điện có khả năng sẽ được chính phủ cho phép tăng nhằm mục tiêu chuẩn bị cho quá trình xây dựng thị trường điện cạnh tranh và khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực điện năng.

- *Về mức độ tham gia ngành và triển vọng xây dựng thị trường điện cạnh tranh:*

Với đặc thù của ngành sản xuất điện, chi phí đầu tư vào vận hành các nhà máy điện khá lớn nhưng giá điện thương phẩm còn khá thấp nên rào cản gia nhập thị trường cao. Do đó, đối tượng tham gia thị trường sản xuất điện tại Việt Nam chủ yếu là các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các Tổng công ty/ Tập đoàn công nghiệp nặng khác. Việc đầu tư vào ngành điện gần đây được khuyến khích và hỗ trợ rất nhiều từ Chính phủ với nhiều phương án cụ thể như: Hỗ trợ nguồn vốn vay có lãi suất thấp từ các tổ chức quốc tế, từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam, hỗ trợ từ chính sách thuế và đầu tư, hỗ trợ giá nguyên liệu đầu vào và điều chỉnh giá bán điện theo cơ chế thị trường,...

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Bên cạnh các hoạt động sản xuất, kinh doanh, Công ty luôn thực hiện tốt các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường: Nộp thuế tài nguyên nước, phí môi trường rừng, nộp tiền trồng rừng, luôn đóng góp tích cực cho các hoạt động xã hội, đền ơn đáp nghĩa.

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng có liên quan tới công ty

Không có



II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Hội đồng quản trị

• **Danh sách HĐQT**

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Nguyễn Thanh Tùng	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty
2	Nguyễn Tiến Khoa	Thành viên HĐQT không điều hành
3	Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên HĐQT độc lập
4	Nguyễn Văn Khóa	Thành viên HĐQT không điều hành
5	Khuất Quang Mậu	Thành viên HĐQT không điều hành

• **Sơ yếu lý lịch**

❖ **ÔNG: NGUYỄN THANH TÙNG – CHỦ TỊCH HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC**

- Họ và tên: **NGUYỄN THANH TÙNG**
- Số CMND: 011372396 do CA Hà Nội cấp 31/5/2010
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 06/07/1962
- Nơi sinh: Hà Tây
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Thụy Hương, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 39, tổ 01, phường Khương Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội.
- Nơi ở hiện nay: A2, lô 5, khu đô thị Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.22131580
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Công trình thủy điện
- Quá trình công tác:
 - + Tháng 10/1986 đến tháng 7/2002: Công tác tại Đoàn thiết kế 1 – Công ty Tư vấn xây dựng điện 1, làm Tổ trưởng tổ thiết kế thi công và dự toán, phó chủ nhiệm thiết kế thủy điện Đại Thị (sau đổi tên là Tuyên Quang) giai đoạn tiền khả thi, Chủ nhiệm đề án thiết kế thủy điện Nale (sau đổi tên là Bắc Hà).
 - + Từ tháng 7/2002 đến tháng 11/2002: Công tác tại Ban quản lý dự án thủy điện Sơn La, làm Phó phòng kỹ thuật.
 - + Từ tháng 11/2002 đến tháng 2/2004: Công tác tại Ban quản lý dự án thủy điện 1, làm Trưởng phòng kỹ thuật.
 - + Từ tháng 02/2004 đến tháng 01/2008: Công tác tại Ban quản lý dự án thủy điện 1, làm Phó Trưởng ban quản lý dự án thủy điện 1, phó bí thư chi bộ.



- + Từ tháng 02/2008 đến tháng 4/2010: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam.
- + Từ tháng 4/2010 đến tháng 8/2014: TVHĐQT chuyên trách kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam.
- + Từ tháng 8/2014 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức đăng ký giao dịch: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: .
- Số cổ phần đại diện sở hữu cho Tổng Công ty Phát điện I : 18.321.875 cổ phần tương ứng 18,32%/vốn điều lệ
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 282.813 cổ phần, chiếm 0,0283% Vốn Điều lệ
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Không
- Những người có liên quan: Không.

❖ **ÔNG NGUYỄN TIẾN KHOA - THÀNH VIÊN HĐQT**

- Họ và tên: **NGUYỄN TIẾN KHOA**
- Giới tính: Nam
- Số CMTND: 011888220 cấp ngày 15/8/2009; Nơi cấp: Hà Nội
- Ngày tháng năm sinh: 29/10/1969
- Nơi sinh: Lộc Yên, Huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Lộc Yên, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú: Phòng 807, Tòa nhà MD Complex Tower, khu đô thị Mỹ Đình 1, Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0336560907
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Thủy điện
- Quá trình công tác:
- + Từ 4/1994-7/2000: Kỹ sư thiết kế thủy điện, Công ty Tư vấn xây dựng điện 1(Công ty KSTKD1);
- + Từ 8/2000-7/2002: Học thạc sĩ tại Na Uy;
- + Từ 8/2002-12/2002: Kỹ sư thiết kế thủy điện, Công ty Tư vấn xây dựng Điện 1;



- + Từ 01/2003- 3/2008: Chuyên viên phòng Tổng hợp, Văn phòng Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- + Từ 4/2008-12/2012: Phó Trưởng Ban Quản lý dự án Nhiệt điện 2, Tập Đoàn điện lực Việt Nam.
- + Từ 01/2013 – đến nay: Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Phát điện 1
- + Từ tháng 4/2014 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
- + Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
- + Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức khác: Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Phát điện 1
- + Số cổ phần đại diện sở hữu cho Tổng Công ty Phát điện I: 18.321.875 cổ phần tương ứng 18,32%/vốn điều lệ
- + Số cổ phần cá nhân sở hữu: 162.081 cổ phần, chiếm 0,162% vốn Điều lệ
- + Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu: Không
- + Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở Công ty khác: Không có
- + Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- + Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- + Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- + Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- ❖ **ÔNG: NGUYỄN VĂN THỊNH - THÀNH VIÊN HĐQT**
- Họ và tên: **NGUYỄN VĂN THỊNH**
- Giới tính: Nam
- Sinh ngày: 20.10.1962
- Nơi sinh: Ý Yên, Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Giấy CMND số: 142.469.165 Ngày cấp: 06/01/2006 tại Công an Hải Dương
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương
- Chỗ ở hiện tại: Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ ngành Quản trị kinh doanh quốc tế
- Quá trình làm việc:
- + Từ 1986- 1999: Kỹ thuật viên Phân xưởng vận hành 1
- + Từ 1999-2010: Quản đốc phân xưởng Phân xưởng vận hành 1
- + Từ T8/2010 – nay: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại
- + Từ tháng 4/2012 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Phát triển Điện lực Việt Nam
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch:



- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại.
- Số cổ phần đại diện sở hữu cho Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại : 10.611.312 cổ phần tương ứng 10,61%/vốn điều lệ.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Không
- Những người có liên quan: Không.

❖ **ÔNG: NGUYỄN VĂN KHÓA - THÀNH VIÊN HĐQT**

- Họ và tên: **NGUYỄN VĂN KHOÁ**
- Số CMND: 023665370 do CA Tp. Hồ Chí Minh cấp 02/11/2012
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 29/03/1953
- Nơi sinh: Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 89/17 đường Hàm Nghi, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh
- Chỗ ở hiện tại: 89/17 đường Hàm Nghi, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác:
 - + Từ 1975 -1979: Đội trưởng xây dựng Công ty XD Hải Phòng
 - + Từ 1979- 1985: Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng số 4- Tổng Công ty XD số 1 TP.HCM
 - + Từ 1985 – 1991: Phó Giám đốc Công ty XD thủy điện Trị An- Tổng Công ty XD số 1
 - + Từ 1991 – tháng 4/2006 Giám đốc Công ty XD Miền Đông – Tổng Công ty XD số 1
 - + Từ tháng 4/2006- 11/2014: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Miền Đông.
- Từ 12/2014 đến nay: Thành viên HĐQT, CTCP Phát triển Điện Lực Việt Nam
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - Số cổ phần đại diện sở hữu cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc: 12.356.550 cổ phần tương ứng 12,36%/ vốn điều lệ
 - Số cổ phần cá nhân sở hữu: 369 cổ phần, chiếm 0,0004% vốn điều lệ
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không.



- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Không
- Những người có liên quan: Không.

❖ **ÔNG: KHUẤT QUANG MẬU - THÀNH VIÊN HĐQT**

- Họ và tên: **KHUẤT QUANG MẬU**
- Số CMND: 001060002436 cấp ngày 12/11/2014; Nơi cấp: Hà Nội
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 31/8/1960
- Nơi sinh: Thị xã Sơn Tây, TP.Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tích Giang, Phúc Thọ, Hà Nội Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nhà 1303-CT1, đường Trần Văn Lai, quận Bắc Từ Liêm, TP.Hà Nội
- Nơi ở hiện nay: P.1303,CT1 Đô thị Mỹ Đình, Mễ Trì, Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Quá trình công tác:
- + Từ 1986 đến 1991: Công tác tại Công ty Xây lắp thủy điện Hoàng Liên Sơn
- + (Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật, Trưởng ban chỉ huy công trường, Đội trưởng đội xây lắp đường dây và Trạm biến áp)
- + Từ 1991 đến 1993: Công tác tại Sở Thủy lợi Lào Cai (Chức vụ: Phó trưởng phòng thủy nông)
- + Từ 1993 đến 1998: Công tác tại Sở Điện lực Lào Cai (Chức vụ: Phụ trách thiết kế phòng Kỹ thuật)
- + Từ 1998 đến 2008: Công tác tại Điện lực tỉnh Lào Cai (Chức vụ: Trưởng phòng Tổ chức Lao động, Chủ tịch Công đoàn Điện lực tỉnh Lào Cai)
- + Từ 2008 đến 2014: Công tác tại cơ quan Công đoàn Điện lực Việt Nam (Chức vụ: Phó Chánh Văn phòng, Chánh Văn phòng, Phó Chủ tịch Công đoàn Điện lực Việt Nam, Chủ tịch Công đoàn Điện lực Việt Nam)
- Từ tháng 10/2014 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch Công đoàn Điện lực Việt Nam



- Số cổ phần đại diện sở hữu cho Công đoàn Điện lực Việt Nam: 3.246.812 cổ phần tương ứng 3,25%/vốn điều lệ
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 50.000 cổ phần, chiếm 0,050% vốn điều lệ
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở Công ty khác: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không



• **Ban kiểm soát**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Hồ Quang Hải	Trưởng Ban Kiểm Soát
2	Nguyễn Thị Liên	Thành viên Ban Kiểm Soát
3	Trần Anh Tuấn	Thành viên Ban Kiểm Soát
4	Đinh Thị Diễm Quỳnh	Thành viên Ban Kiểm Soát

❖ **ÔNG: HỒ QUANG HẢI - TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

- Họ và tên: **HỒ QUANG HẢI**
- Giới tính: Nam
- Sinh ngày: 05.8.1960
- Nơi sinh: Lào Cai
- Quốc tịch: Việt Nam
- Giấy CMND số: 100120089 cấp ngày 16/5/2009; Nơi cấp: Quảng Ninh
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 29, khu 8, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh
- Chỗ ở hiện tại: Tổ 29, khu 8, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế thương mại
- Quá trình công tác:
 - + 5/1978 – 5/1982: Nơi làm việc: Quân đội – Chức vụ: Trung đội phó – Thượng sỹ
 - + 8/1982 – 11/1987: Công nhân sửa chữa Cơ Nhiệt, Nhà máy Nhiệt điện Uông Bí
 - + 12/1987 – 11/1993: Thống kê Vật tư – Xe, Nhà máy Nhiệt điện Uông Bí
 - + 12/1993 – 6/1997: Cán bộ thanh quyết toán Công trình Xây lắp Điện, Nhà máy Nhiệt điện Uông Bí
 - + 7/1997 – 3/2003: Cán bộ phòng Kế hoạch, Dự án, Đấu thầu – Nhà máy nhiệt điện Uông Bí
 - + 4/2003 – 5/2008: Cán bộ phòng Tài chính – Kế toán, Nhà máy Nhiệt Điện Uông Bí
 - + 5/2008 – 10/2009: Thư ký Giám đốc, Công ty Nhiệt điện Uông Bí
 - + 10/2009 – 6/2010: Phó trưởng phòng tổng hợp Chuẩn bị sản xuất, Công ty Nhiệt điện Uông Bí
 - + 7/2010 – 31/12/2012: Kiểm soát viên Công ty, Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Uông Bí
 - + 1/1/2013 đến nay: Phó Trưởng ban Thanh tra, Bảo vệ và Pháp chế, Tổng Công ty Phát điện 1
 - + 1/1/2015 – nay: Trưởng ban kiểm soát nội bộ, Tổng Công ty Phát điện 1
 - + Từ tháng 4/2013 đến nay: Trưởng ban kiểm soát CTCP Phát triển Điện lực Việt Nam
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức đăng ký giao dịch: Trưởng ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng Ban kiểm soát nội bộ thuộc Tổng Công ty Phát điện 1



- Số cổ phần đại diện sở hữu: Không
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 10.000 cổ phần, chiếm 0,010% vốn điều lệ
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Thù lao Ban kiểm soát
- Những người có liên quan: Không

❖ **BÀ: NGUYỄN THỊ LIÊN - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

- Họ và tên: **NGUYỄN THỊ LIÊN**
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 01/04/1961
- Số CMND: 012720290 cấp ngày 07/11/2006; Nơi cấp: CA Hà Nội;
- Nơi sinh: Thạch Thất – Hà Tây
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thôn Thạch - Thạch Xá - Thạch Thất - Hà Tây
- Địa chỉ thường trú: Số 6, ngõ 470 đường Nguyễn Trãi, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.2201147
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Quá trình công tác:
 - + 1984 – 1986 : Kế toán tại chi nhánh xuất khẩu Thạch Thất thuộc Công ty Mây tre đan xuất khẩu Hà Nội
 - + 1987 – 1993: Chuyên viên kế toán tại Công ty Xuất khẩu Thạch Thất (tách từ Công ty Mây tre đan xuất khẩu Hà Nội)
 - + 1994: Nghỉ chờ chuyển công tác
 - + 1995 – 1996: Kế toán trưởng tại Công ty Dệt Nam Thanh
 - + 1997 – 1998: Kế toán tổng hợp tại Công ty sản xuất kinh doanh của người tàn tật thuộc Sở Lao động TBXH Hà Nội.
 - + 1999 – 2003: Kế toán công đoàn chuyên trách tại Công đoàn Công ty Điện lực 1
 - + Từ tháng 10/2003 – đến nay: Trưởng Ban Tài chính Công đoàn Điện lực Việt nam
 - + Từ năm 2002 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát, CTCP Phát triển Điện lực Việt Nam
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng ban Tài chính Công đoàn Điện lực Việt Nam.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: Không



- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 102.641 cổ phần, chiếm 0,103% vốn Điều lệ
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Thù lao Ban kiểm soát
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

❖ **ÔNG: TRẦN ANH TUẤN - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

- Họ và tên: **TRẦN ANH TUẤN**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 23/4/1974
- Nơi sinh: TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
- Số CMND: 023320049 cấp ngày 30/3/2006; Nơi cấp: CA TP.HCM;
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 100 Hoa Lan, P.2, Quận Phú Nhuận, TP. HCM
- Chỗ ở hiện tại: 100 Hoa Lan, P.2, Quận Phú Nhuận, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - chuyên ngành kế toán Doanh nghiệp
- Quá trình công tác:
 - + 1997 – 2005: Kế toán trưởng, Công ty TNHH Hoàng Long
 - + 2006 – 06/2007: Kế toán trưởng, Công ty TNHH TungSinh
 - + 07/2007 – 05/2010: Trưởng phòng Đầu tư – Tài chính, Công ty Cổ phần Miền Đông
 - + Từ tháng 8/2008 – đến nay: Thành viên Ban kiểm soát, Công ty CP Phát triển Điện lực Việt Nam
 - + Từ tháng 05/2010 – đến 05/2013: Thành viên HĐQT kiêm trưởng Phòng đầu tư – Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: TV HĐQT Công ty Tài chính Công ty CP Miền Đông
 - + Từ tháng 6/2013 đến 4/2014: Thành viên HĐQT kiêm phó TGD Công ty CP Miền Đông
 - + Từ tháng 7/2014 đến 12/2015: Thành viên HĐQT Công ty CP Miền Đông, Tổng giám đốc Công ty CP Thủy điện Đa Dâng 3
 - + Từ tháng 4/2008 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Phát triển Điện lực Việt Nam
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên Ban kiểm soát
- Số cổ phần đại diện sở hữu: Không
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: Không
- Những người có liên quan: Không



- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Thù lao Ban kiểm soát.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

❖ **BÀ: ĐINH THỊ DIỄM QUỲNH - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

- Họ và tên: Đinh Thị Diễm Quỳnh
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 04 tháng 01 năm 1981
- Nơi sinh: Chí Linh, Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Giấy CMND số: 141.854.078 cấp ngày 5/01/2006 tại Công an Hải Dương
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phường Phả Lại - Thị xã Chí Linh - Tỉnh Hải Dương.
- Chỗ ở hiện tại: Phường Phả Lại - Thị xã Chí Linh - Tỉnh Hải Dương.
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế hoạch
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 1/2003- tháng 5/2006: Phòng Kế hoạch Vật tư thuộc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.
 - + Từ tháng 5/2006 đến nay: Phòng Tài chính Kế toán thuộc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.
 - + Từ tháng 4/2015 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát CTCP Phát triển Điện lực Việt Nam
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tại tổ chức đăng ký giao dịch: Thành viên Ban kiểm soát.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kế toán viên tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: Không
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Thù lao Ban kiểm soát
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không



• **Tổng Giám đốc (Giám đốc) và các cán bộ quản lý**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Tổng Giám Đốc
2	Ông Phạm Đình Lê	Phó Tổng Giám Đốc

❖ **ÔNG: NGUYỄN THANH TÙNG-CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC**

(Trình bày tại mục SYLL của Hội đồng Quản trị)

❖ **ÔNG: PHẠM ĐÌNH LÊ – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

- Họ và tên: **PHẠM ĐÌNH LÊ**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 13/01/1978
- Số CMND: 030078000112 cấp ngày 09/9/2014; Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Nơi sinh: Lam Sơn, Thanh Miện, Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: xã Lam Sơn, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: P405, N1 Chung cư Z157, Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư địa chất công trình
- Quá trình công tác:
 - + Từ 01/10/2000 đến 01/9/2002: Viện Khoa học Công nghệ Việt Nam
 - + Từ 01/9/2002 đến 19/11/2002: Công ty Xây dựng nền móng JIKON
 - + Từ 19/11/2002 đến 28/02/2007: Ban Quản lý dự án Thủy điện 1
 - + Từ tháng 01/3/2007 21/02/2008: Phó Giám đốc các Trung tâm IPC, BIM, GMEC- Công ty CP phát triển Đầu tư HAFICO GROUP
 - + Từ 22/02/2008 đến 31/03/2008: Chuyên viên phòng kỹ thuật-Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
 - + Từ 01/4/2008 đến 30/10/2013: Phó P.Kỹ thuật- Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam.
 - + Từ 31/10/2013 – 07/07/2014: Trưởng phòng Kỹ thuật - Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam.
 - + Từ 08/7/2014 đến nay: Phó Tổng giám đốc- Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam.



- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần đại diện sở hữu: Không.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 200 cổ phần, chiếm 0,0002% vốn điều lệ.
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

• **Kế toán trưởng**

❖ Ông Nguyễn Tùng Phương

- Số CMND: 001077003431 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 25/11/2014
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/3/1977
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đông Lao – Hoài Đức – Hà Tây (Hà Nội)
- Địa chỉ thường trú: Số 3 Phố Yên Bình – phường Phúc La – Hà Đông – Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.22131577
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - + Từ 9/1999 - 10/2002: Nhân viên phòng Tài chính kế toán Ban QLCBĐT Dự án nhà máy thủy điện Sơn La.
 - + Từ 11/2002 – 02/2006: Nhân viên phòng Tài chính kế toán Ban QLDATE I.
 - + Từ 3/2006 – 4/2008: Phó phòng Tài chính kế toán Ban QLDA thủy điện I.
 - + Từ 5/2008 – 7/2008: Cán bộ phòng Tài chính Kế toán VNPD.
 - + Từ 8/2008 – 12/2013: Phó phụ trách phòng Tài chính kế toán VNPD.
 - + Từ 01/2014-7/2014: Trưởng phòng Tài chính kế toán VNPD.
 - + Từ 7/2014 đến nay: Kế toán trưởng VNPD
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Cẩm Sơn.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: Không.



- Số cổ phần cá nhân sở hữu: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

2. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Công ty tập trung tổ chức quản lý, kiểm soát mọi hoạt động sản xuất và kinh doanh bằng bộ máy quản lý điều hành gọn nhẹ, hiệu quả thông qua việc xây dựng mô hình quản lý, điều hành điện tử.

Công ty sẽ thực hiện sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị công ty phù hợp với quy định hiện hành (Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn)

Đưa vào sử dụng các ứng dụng các tiến bộ của công nghệ thông tin như: các phần mềm quản lý nhân sự, tiền lương, quản lý dự án, quản lý khách hàng, kế toán...

Xây dựng các chức danh phù hợp với phạm vi công việc rõ ràng cho mọi thành phần nhân lực trong Công ty. Các chức danh có chính sách đào tạo được chi tiết theo các vị trí đã quy hoạch và theo nhu cầu mở rộng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh hằng năm của Công ty.

Quan tâm thu hút nguồn nhân lực ngoài Công ty có năng lực, kinh nghiệm và phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty. Áp dụng các chính sách ưu đãi đặc biệt cho từng trường hợp cụ thể.

Ngoài ra, Công ty có kế hoạch tăng cường công tác quản lý, giám sát, chỉ đạo các hoạt động của Ban Điều hành và bộ máy giúp việc của Công ty, bảo đảm thực hiện đúng các nội dung đã được thông qua trong các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT Công ty; tiếp tục nâng cao chất lượng của công tác kiểm tra nội bộ, kiểm soát chặt chẽ việc thực thi công việc theo sự phân bổ nhiệm vụ hay sự phân cấp từ HĐQT; Chỉ đạo, chấn chỉnh kịp thời các hoạt động của Ban điều hành, đặc biệt là trong công tác quản lý, hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty.

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trong Bản công bố thông tin là đầy đủ và chính xác với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật với các thông tin này.

III. PHỤ LỤC

- Bản sao có công chứng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101264520 thay đổi lần 8 ngày 20/12/2013
- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014, Báo cáo tài chính năm 2015 do Công ty tự lập

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ

CHỦ TỊCH HĐQT - TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Tùng

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔ CHỨC TƯ VẤN - CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT



GIÁM ĐỐC TƯ VẤN

GIÁM ĐỐC TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Nguyễn Thị Hạnh